| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SÓC SƠN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **75**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI**
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Chủ toạ phiên toà*: Ông **Nguyễn Khắc Hải -** Thẩm phán.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Dương Văn Xuyên**

2. Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

*Thư ký phiên tòa*: Bà **Lê Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà:* Ông **Trương Minh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 598/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Thanh Trí, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Dương Văn L1**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Thanh Trí, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt chị L, vắng mặt L1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/8/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Minh Phú ngày 30/10/2003. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình L1 ở thôn Thanh Trí, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng L1 không thay đổi khiến vợ chồng nhiều lần cãi đánh chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành nên ngày 12/8/2023 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với L1.

- Về con chung: Chị và L1 có 03 con chung là Dương Thị Lan H, sinh ngày 08/12/2004, Dương Thị Thanh T, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Minh V, sinh ngày 26/6/2014. Cháu Hương đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Thủy cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ cho L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng cho con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ chung, chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh L1 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp và các giấy triệu tập yêu cầu anh đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, để cung cấp lời khai về nội dung vụ án cũng như trình bày quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của chị L, nhưng L1 vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của L1 để làm việc nhưng L1 vắng nhà nên Tòa án không ghi được lời khai của anh và không tiến hành hòa giải cho anh chị được.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn L1 và giao cháu Thủy cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Vũ cho L1 tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Hương đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải

quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án, giao thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định pháp luật; Vụ án được giải quyết đúng thời hạn; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thuân thủ đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 28, 147 BLTTDS và NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1) Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L cho chị L được ly hôn với L1;

2) Về con chung: Cháu Hương đã trưởng thành nên không đề cấp giải quyết. Ghi nhận nguyện vọng của cháu Thủy, cháu Vũ; giao cháu Thủy, cháu Vũ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận của các đương sự đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án. L1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản;

3) Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung, đất ở, đất nông nghiệp: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4) Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn trong vụ án là anh L1 cư trú tại: Thôn Thanh Trí, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. L1 không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa ngày 28/11/2023 L1 đã vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. L1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng

tại phiên tòa ngày hôm nay anh vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn tiến hành xét xử vắng mặt L1.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh L1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2003 tại trụ sở UBND xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 30/10/2003 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn L1. L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai cũng như bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của L1 nhưng anh không có nhà nên Tòa án không ghi được lời khai và không có căn cứ xem xét nguyện vọng của anh.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh chị cũng như trình bày của đương sự được biết: Vợ chồng anh chị đã không còn gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Bản thân L1 không thực sự chủ động, tích cực bảo vệ cuộc hôn nhân của mình, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành các giấy triệu tập của tòa án và không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không tổ chức hòa giải cho anh chị được. Đến nay anh chị vẫn sống mỗi người một nơi. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn L1 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị L và anh L1 có 03 con chung là Dương Thị L Hương, sinh ngày 08/12/2004, Dương Thị Thanh T, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Minh V, sinh ngày 26/6/2014. Cháu Hương đã trưởng thành và lập gia đình riêng, anh chị không đề nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu Thủy đang sống cùng chị L còn cháu Vũ đang sống cùng L1. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thủy, để L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ. Cháu Vũ và cháu Thủy đều có nguyện vọng được sống cùng chị L. Xét nguyện vọng nuôi con

của anh chị và các cháu về việc người trực tiếp nuôi cháu Thủy và cháu Vũ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ nên nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Mặc dù cả hai con chung đều có nguyện vọng sống cùng chị L nhưng xét thấy chị L và L1 đều có khả năng nuôi được con và con chung Dương Minh V thực tế đang sống cùng L1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự và tránh sự xáo trộn cuộc sống của các con chung, HĐXX nhận thấy cần giao con chung Dương Minh V cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Dương Thị Thanh T cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn là chị Trương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên.***

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị L, cho chị L được ly hôn anh L1.

**2. Về con chung:** Xác định chị Trương Thị L và anh L1 có 03 con chung là Dương Thị L Hương, sinh ngày 08/12/2004, Dương Thị Thanh T, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Minh V, sinh ngày 26/6/2014.

Con chung Dương Thị L Hương đã trên 18 tuổi, đã lấy chồng lập gia đình riêng, chị L và L1 không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Giao con chung Dương Thị Thanh T cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Dương Minh V cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế.

Chị L, L1 đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

**3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung**: Chị L, L1 không đề nghị nên Tòa án không giải quyết.

**4. Về án phí**: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0006407 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trương Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Hải**